TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS–ST
Ngày: 23 – 4 – 2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hồng Hạnh
2. Ông Trần Đức Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Xuân Kỳ A, sinh năm 2000. Địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

- *Bị đơn:* ông Đặng Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1988 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Ngô Văn H, sinh năm: 1977 (vắng mặt). Địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Vào khoảng tháng 6 năm 2025, vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 có vay bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 1.500.000.000 (một tỉ, năm trăm triệu) đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, sau đó ông T đã viết giấy cam kết hẹn sau 03 ngày trả đủ tiền. Tuy nhiên, đến nay ông T bà D1 không trả tiền cho bà, bà có đòi nhiều lần nhưng ông T bà D1 trốn tránh không trả tiền cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T bà D1 phải trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà.

- Tại bản tự khai ngày 06 tháng 3 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị D1 trình bày: Bà có quen biết làm ăn với bà Nguyễn Thị Hồng D từ ngày 01/01/2015 đến nay đã vay tiền nhiều lần để buôn bán kinh doanh, có làm giấy vay mượn tiền chuyển khoản vào số tài khoản, trong đó có giấy nợ 1.500.000.000 đồng mượn để lấy hàng, bà đã trả tiền gốc và lãi suất 2k/01 triệu/01 ngày nhưng vì làm ăn lâu dài tin tưởng bà D tự hủy giấy nợ khi bà trả tiền gốc và lãi. Ngày 01/6/2025 bà có gọi bà D mượn 1.500.000.000 đồng nhưng bà D không cho mượn, và bà D đã lấy giấy nợ cũ tự viết ngày mượn tiền trên giấy nợ cũ của bà. Về giấy nợ ngày 01/6/2025 không đúng sự thật, giấy nợ này bà vay và đã trả lãi và gốc hình thức chuyển khoản. Bà sẽ cung cấp sổ phụ sao kê ngân hàng về số tiền 1.500.000.000 đồng. Về giấy vay ngày 01/6/2025 do bà D cung cấp là vợ chồng có ký tên, bà không ký tên vì lúc đó bà không ở nhà, ông T lên nhà bà D đi làm giấy mượn tiền. Bà khẳng định giấy này là giấy nợ cũ, ngày 01/6/2025 vợ chồng bà không mượn tiền bà D, bà sẽ sao kê sổ phụ ngân hàng đi nộp lên Tòa.

-Bị đơn ông Đặng Văn T: Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Tại bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Ông là chồng bà D, hiện nay bà D khởi kiện yêu cầu ông T bà D1 phải trả bà D số tiền vay 1.500.000.000 đồng là tiền riêng của bà D, không liên quan đến ông, ông không tranh chấp, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D là buộc ông T bà D1 có nghĩa vụ trả bà D số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân Kỳ A trình bày: Nguyên đơn bà D nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 liên đới trả bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 1.500.000.000 đồng. Số tiền này là tiền riêng của bà D, không liên quan gì đến ông H chồng bà D. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/6/2025, căn cứ tin nhắn Zalo bà D1 nhắn mượn tiền bà D ngày 01/6/2025, do ông T bà D1 không trả được tiền cho bà D nên đến ngày 12/6/2025 bà D1 có chuyển trả bà D 17.900.000 đồng tiền lãi qua tài khoản, bà D1 có nhắn tin xin đóng lãi, xin khất nợ. Đến nay ông T bà D1 không trả tiền cho bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu ông T bà D1 liên đới trả bà D số tiền gốc 1.500.000.000 đồng. Về tiền lãi: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông T, bà D1 vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tại phiên tòa: Về tố tụng: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 1.500.000.000 đồng, về tiền lãi: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự nộp án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 cư trú tại thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai phải trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D1 và ông Đặng Văn T đã được triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn ông T bà D1 phải liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng:

Phía nguyên đơn trình bày vào tháng 6 năm 2025, ông T và bà D1 có vay số tiền 1.500.000.000 đồng, có lập giấy cam kết trả trong thời hạn 03 ngày nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại bản tự khai ngày 06/3/2026 bị đơn bà D1 không thừa nhận khoản vay theo giấy ngày 01/6/2025, cho rằng đây là giấy nợ cũ đã thanh toán xong và cam kết sẽ cung cấp sao kê ngân hàng để chứng minh, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao Thông báo số 06/TB-TA ngày 25/3/2026 về việc yêu cầu bị đơn ông T bà D1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng đến nay bà D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà D đã cung cấp giấy vay tiền có chữ ký của ông Đặng Văn T. Bị đơn ông T bà D1 không chứng minh được việc đã thanh toán khoản tiền 1.500.000.000 đồng cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh giấy vay tiền là giấy vay tiền của khoản vay trước đó (giấy vay tiền cũ) hoặc khoản vay đã được thanh lý. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/6/2025 và căn cứ tin nhắn Zalo bà D1 nhắn tin hỏi mượn tiền bà D ngày 01/6/2025; ngày 12/6/2025 bà D1 có chuyển trả bà D 17.900.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng (tại văn bản số 25/2026/K-Budang ngày 22/4/2026 của ngân hàng L xác nhận nội dung: Vào lúc 19 giờ 44 phút ngày 12/6/2025 bà Nguyễn Thị D1 có thực hiện chuyển tiền 17.900.000 đồng từ số tài

khoản 034540400001 mở tại Lpbank-PGD B đến số tài khoản 050024279933 tại S cho người thụ hưởng tên là Nguyễn Thị Hồng D", bà D1 có nhắn tin zalo xin đóng lãi, hẹn trả tiền. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn ông T bà D1 có vay nguyên đơn bà D số tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 01/6/2025. Tại bản tự khai ngày 06/3/2026 bà D1 còn cho rằng bà không ký vào giấy vay tiền ngày 01/6/2025, tuy nhiên bà thừa nhận có quan hệ làm ăn, vay mượn tiền nhiều lần với nguyên đơn và khoản vay phục vụ mục đích chung của vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, ông T và bà D1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/6/2025 có nội dung *"...Đặng Văn T...có mượn của chị D số tiền 1.500.000.000 đồng chẵn để đáo hạn ngân hàng hẹn 03 ngày trả."* Tuy nhiên đến nay ông T bà D1 chưa trả số tiền nào cho bà D. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;"* Như vậy, đến hạn trả tiền nhưng ông T bà D1 không trả tiền cho bà D là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D xác định số tiền 1.500.000.000 đồng bà D cho ông T bà D1 vay là tiền riêng của bà D, không liên quan đến ông H chồng bà D. Tại bạn tự khai ông H cũng xác định là tiền riêng của bà D, không liên quan đến ông H, ông H không tranh chấp, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D là buộc ông T bà D1 có nghĩa vụ liên đới trả bà D số tiền 1.500.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D, buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng.

Về tiền lãi: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H: Không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D. Buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 1.500.000.000 (một tỉ, năm trăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị D1 phải nộp 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành án dân sự tỉnh Đ trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.500.000 đồng (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002860, ngày 10/10/2025)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;;*
- *VKSND kv 12– Đồng Nai;*
- *THADS tỉnh Đồng Nai;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà